

CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ HQLC6 VIỆT NAM
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ HQLC6 VIỆT NAM

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: HQLC6 VIET NAM TECHNOLOGY COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: HQLC6 VIET NAM

2. Mã số doanh nghiệp: 0109383872

3. Ngày thành lập: 19/10/2020

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Lô C6, kho Thiết Bị, đường Đào Cam Mộc, Tổ 37, Thị Trấn Đông Anh, Huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học kỹ thuật và công nghệ	7212(Chính)
2.	Sản xuất thảm, chăn, đệm	1393
3.	Sản xuất các loại dây bện và lưới	1394
4.	Sản xuất dụng cụ cầm tay chạy bằng mô tơ hoặc khí nén	2818
5.	Sản xuất các loại hàng dệt khác chưa được phân vào đâu	1399
6.	Sản xuất máy nông nghiệp và lâm nghiệp	2821
7.	Sản xuất máy công cụ và máy tạo hình kim loại	2822
8.	Sản xuất máy luyện kim	2823
9.	Sản xuất máy khai thác mỏ và xây dựng	2824
10.	Sản xuất máy chế biến thực phẩm, đồ uống và thuốc lá	2825
11.	Sản xuất máy cho ngành dệt, may và da	2826
12.	Sản xuất máy chuyên dụng khác	2829
13.	Sản xuất giày, dép	1520
14.	Sản xuất sản phẩm khác từ cao su	2219
15.	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp Chi tiết: - Bán lẻ trong siêu thị (Supermarket) - Bán lẻ trong cửa hàng tiện lợi (Minimarket) - Bán lẻ trong cửa hàng kinh doanh tổng hợp khác	4719
16.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ	5225
17.	Xây dựng công trình đường sắt	4211

18.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
19.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223
20.	Xây dựng công trình công ích khác	4229
21.	Xây dựng công trình thủy	4291
22.	Xây dựng công trình khai khoáng	4292
23.	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293
24.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
25.	Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác)	3315
26.	Quảng cáo (không bao gồm quảng cáo thuốc lá)	7310
27.	Lập trình máy vi tính	6201
28.	Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính	6202
29.	Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính	6209
30.	Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan (trừ cung cấp hạ tầng cho thuê)	6311
31.	Công thông tin (trừ hoạt động báo chí)	6312
32.	Xuất bản phần mềm	5820
33.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
34.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Chi tiết: - Đại lý bán hàng hóa; - Môi giới mua bán hàng hóa	4610
35.	Sản xuất hàng dệt sẵn (trừ trang phục)	1392
36.	Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác	3900
37.	Bán buôn tổng hợp (trừ loại Nhà nước cấm)	4690
38.	Sản xuất giấy nhãn, bìa nhãn, bao bì từ giấy và bìa	1702
39.	Sản xuất các sản phẩm khác từ giấy và bìa chưa được phân vào đâu	1709
40.	Sản xuất plastic và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh	2013
41.	Sản xuất sẫm, lớp cao su; đắp và tái chế lớp cao su	2211
42.	Sản xuất sản phẩm từ plastic	2220
43.	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép	4641
44.	Sản xuất bột giấy, giấy và bìa	1701

45.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Bán buôn hóa chất khác (trừ loại sử dụng trong nông nghiệp) - Bán buôn chất dẻo dạng nguyên sinh - Bán buôn cao su - Bán buôn tơ, xơ, sợi dệt - Bán buôn phụ liệu may mặc và giày dép - Bán buôn phế liệu, phế thải kim loại, phi kim loại	4669
46.	Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh	4753
47.	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh	4771
48.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)	4931
49.	Vận tải hành khách đường bộ khác Chi tiết: - Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe ô tô theo tuyến cố định - Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe buýt theo tuyến cố định - Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe taxi - Kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng - Kinh doanh vận tải khách du lịch bằng xe ô tô - Cho thuê xe có người lái để vận tải hành khách, hợp đồng chở khách đi tham quan, du lịch hoặc mục đích khác;	4932
50.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ Chi tiết: - Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô - Vận tải hàng hóa thông thường: vận tải gỗ, vận tải gia súc, nông lâm sản, hàng hóa thông thường khác; - Vận tải hàng hóa bằng xe chuyên dụng: Xe bồn chở chất lỏng, xe chở hóa chất, xe đông lạnh; - Vận tải hàng nặng, vận tải container; - Vận tải phế liệu, phế thải, rác thải, không đi kèm hoạt động thu gom hoặc đổ phế liệu, phế thải, rác thải. - Hoạt động chuyển đồ đặc; - Cho thuê xe tải có người lái;	4933
51.	Vận tải hành khách đường thủy nội địa	5021
52.	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa	5022
53.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
54.	Bốc xếp hàng hóa (trừ bốc xếp hàng hoá cảng hàng không)	5224

55.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải Chi tiết: - Gửi hàng - Giao nhận hàng hóa - Hoạt động của các đại lý bán vé máy bay - Hoạt động liên quan khác như lấy mẫu, cân hàng hoá...liên quan đến vận tải	5229
56.	Cho thuê xe có động cơ	7710
57.	Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh	4742
58.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại (Không bao gồm hợp báo và hoạt động liên quan đến báo chí)	8230
59.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống (Trừ loại Nhà nước cấm)	4620
60.	Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu Chi tiết: Hoạt động tư vấn đầu tư	6619
61.	Hoạt động tư vấn quản lý	7020
62.	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Dịch vụ chuyển giao công nghệ	7490
63.	Sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính	2620
64.	Sản xuất thiết bị truyền thông	2630
65.	Sản xuất đồng hồ	2652
66.	Sản xuất thiết bị bức xạ, thiết bị điện tử trong y học, điện liệu pháp	2660
67.	Sản xuất thiết bị và dụng cụ quang học	2670
68.	Sản xuất băng, đĩa từ tính và quang học	2680
69.	Sản xuất vải dệt kim, vải đan móc và vải không dệt khác	1391
70.	Sản xuất thiết bị điện chiếu sáng	2740
71.	Sửa chữa thiết bị nghe nhìn điện tử gia dụng	9521
72.	Sửa chữa thiết bị, đồ dùng gia đình	9522
73.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
74.	Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học	3313
75.	Sửa chữa thiết bị điện	3314
76.	Sửa chữa thiết bị khác	3319
77.	Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn	3311
78.	Dịch vụ hệ thống bảo đảm an toàn	8020
79.	Tái chế phế liệu	3830
80.	Phá dỡ	4311

81.	Chuẩn bị mặt bằng (không bao gồm việc cho nổ, dò bom, mìn và các loại tương tự)	4312
82.	Xây dựng nhà không để ở	4102
83.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
84.	Xây dựng nhà để ở	4101
85.	Xây dựng công trình điện	4221
86.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
87.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
88.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
89.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659
90.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình (Trừ bán buôn dược phẩm)	4649
91.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
92.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
93.	Kiểm tra và phân tích kỹ thuật	7120
94.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
95.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
96.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
97.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
98.	Cho thuê đồ dùng cá nhân và gia đình khác	7729
99.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển	7730
100.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học tự nhiên	7211
101.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
102.	In ấn	1811
103.	Dịch vụ liên quan đến in	1812
104.	Sao chép bản ghi các loại	1820
105.	Sản xuất trang phục dệt kim, đan móc	1430
106.	Sản xuất vali, túi xách và các loại tương tự, sản xuất yên đệm	1512
107.	Sản xuất đồ điện dân dụng	2750
108.	Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng	2640
109.	Sản xuất linh kiện điện tử	2610
110.	Sản xuất thiết bị đo lường, kiểm tra, định hướng và điều khiển	2651

111.	Sản xuất khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Sản xuất trang thiết bị bảo vệ an toàn như: + Sản xuất quần áo chống cháy và bảo vệ an toàn, + Sản xuất dây bảo hiểm cho người sửa chữa điện hoặc các dây bảo vệ cho các ngành nghề khác, + Sản xuất phao cứu sinh, + Sản xuất mũ nhựa cứng và các thiết bị bảo vệ cá nhân khác (ví dụ mũ thể thao), + Sản xuất quần áo amiăng (như bộ bảo vệ chống cháy), + Sản xuất mũ bảo hiểm kim loại và các thiết bị bảo hiểm cá nhân bằng kim loại khác, + Sản xuất nút tai và nút chống ồn (cho bơi lội và bảo vệ tiếng ồn), + Sản xuất mặt nạ khí ga. - Sản xuất chổi, bàn chải bao gồm bàn chải là bộ phận của máy móc, bàn chải sàn cơ khí điều khiển bằng tay, giẻ lau, máy hút bụi lông, chổi vẽ, trục lăn, giấy thấm sơn, các loại chổi, bàn chải khác... - Sản xuất bàn chải giày, quần áo; - Sản xuất bút và bút chì các loại bằng cơ khí hoặc không; - Sản xuất lõi bút chì; - Sản xuất tem ghi số, tem gắn, ghi ngày, các thiết bị in ấn điều khiển bằng tay hoặc các tem rập nổi, các thiết bị in bằng tay, lõi mực in và ribbon máy tính; - Sản xuất găng tay; - Sản xuất ô, ô đi nắng, gậy đi bộ; - Sản xuất các nút, khóa ấn, khoá móc, khoá trượt; - Sản xuất tàu hút xì gà; - Sản xuất các sản phẩm cho con người: Tàu hút, lược, bình xịt nước hoa, lọc chân không và các bình chân không khác dùng cho cá nhân hoặc gia đình, tóc giả, râu giả, mi giả, bút kẻ lông mày; - Sản xuất các sản phẩm khác: Nến, dây nến và các thứ tương tự; hoa giả, vòng hoa, giỏ hoa, hoa nhân tạo, lá quả, vật lạ, vật gây cười, sàng, sậy, manơ canh... - Hoạt động nhồi bông thú	3290
112.	Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại	2591
113.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
114.	Sản xuất sản phẩm từ chất khoáng phi kim loại khác chưa được phân vào đâu	2399
115.	Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện	2710

116.	Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đầu Chi tiết: - Sản xuất đồ dùng bằng kim loại cho nhà bếp, nhà vệ sinh và nhà ăn - Sản xuất các thiết bị văn phòng bằng kim loại, trừ đồ đạc; - Sản xuất cửa an toàn, két, cửa bọc sắt... - Sản xuất túi đựng nữ trang; - Sản xuất thùng, can, thùng hình ống, xô, hộp; - Sản xuất hộp kim loại đựng thức ăn, hộp và ống tuýp có thể gập lại được; - Sản xuất các sản phẩm máy móc có đinh vít; - Sản xuất các động cơ (trừ động cơ đồng hồ) như: Xoắn ốc, động cơ thanh xoắn, các tấm lá trong động cơ; - Sản xuất dây cáp kim loại, dải xếp nếp và các chi tiết tương tự; - Sản xuất dây cáp kim loại cách điện hoặc không cách điện; - Sản xuất các chi tiết được làm từ dây: Dây gai, dây rào đậu, vĩ, lưới, vải... - Sản xuất đinh hoặc ghim; - Sản xuất đinh tán, vòng đệm và các sản phẩm không ren tương tự; - Sản xuất các sản phẩm đinh vít; - Sản xuất bulông, đai ốc và các sản phẩm có ren tương tự; - Sản xuất lò xo (trừ lò xo đồng hồ) như: Lò xo lá, lò xo xoắn ốc, lò xo xoắn tròn ốc, lá cho lò xo; - Sản xuất xích, trừ xích dẫn năng lượng; - Sản xuất các chi tiết kim loại khác như: + Sản xuất chân vịt tàu và cánh, + Mỏ neo, + Chuông, + Đường ray tàu hoả, + Dụng cụ gài, uốn; - Sản xuất nam châm vĩnh cửu, kim loại; - Sản xuất bình của máy hút bụi kim loại; - Sản xuất huy hiệu và huân chương quân đội bằng kim loại; - Dụng cụ cuộn tóc kim loại, ô cầm tay kim loại, lược.	2599
117.	Sản xuất sắt, thép, gang	2410
118.	Sản xuất kim loại quý và kim loại màu (trừ loại Nhà nước cấm)	2420
119.	Đúc sắt, thép	2431
120.	Đúc kim loại màu	2432
121.	Sản xuất các cấu kiện kim loại	2511
122.	Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại	2512
123.	Sản xuất nồi hơi (trừ nồi hơi trung tâm)	2513
124.	Sản xuất thiết bị điện khác	2790

125.	Sản xuất bi, bánh răng, hộp số, các bộ phận điều khiển và truyền chuyển động	2814
126.	Sản xuất lò nung, lò luyện và lò nung	2815
127.	Sản xuất máy thông dụng khác	2819
128.	Sản xuất sản phẩm chịu lửa	2391
129.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng Chi tiết: - Thiết kế liên quan đến đồ trang sức, đồ đạc và trang trí nội thất khác, đồ dùng cá nhân và gia đình khác; - Dịch vụ thiết kế đồ thị; - Hoạt động trang trí nội thất.	7410
130.	Sản xuất dao kéo, dụng cụ cầm tay và đồ kim loại thông dụng	2593
131.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: - Thiết kế kiến trúc công trình; - Thiết kế kiến trúc trong đồ án quy hoạch đô thị, quy hoạch nông thôn, thiết kế đô thị; - Thiết kế kiến trúc cảnh quan; - Thiết kế nội thất; - Chỉ dẫn đặc điểm kỹ thuật kiến trúc công trình; - Đánh giá kiến trúc công trình; - Thẩm tra thiết kế kiến trúc. - Dịch vụ tư vấn kiến trúc gồm: thiết kế và phác thảo công trình; lập kế hoạch phát triển đô thị và kiến trúc cảnh quan; - Thiết kế máy móc và thiết bị; - Thiết kế kỹ thuật và dịch vụ tư vấn cho các dự án liên quan đến kỹ thuật dân dụng, kỹ thuật đường ống.	7110
132.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại (trừ hoạt động kinh doanh vàng miếng và vàng nguyên liệu)	4662
133.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
134.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh	8299

6. Vốn điều lệ: 10.000.000.000 VNĐ

7. Danh sách thành viên góp vốn:

STT	Tên thành viên	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Giá trị vốn góp (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số CMND (hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác) đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
1	NGUYỄN VĂN LONG	Số nhà 26, Tổ dân phố Yên Nội 3, Phường Liên Mạc, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	5.000.000.000	50,000	001082021680	
2	NGUYỄN NGỌC QUYỀN	Đội 2, Xã Vạn Điểm, Huyện Thường Tín, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	2.500.000.000	25,000	001084025812	
3	ĐỖ ĐỨC HỒNG	Thôn Tiên, Xã Dục Tú, Huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	2.500.000.000	25,000	001084019057	

8. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: NGUYỄN VĂN LONG

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 06/02/1982

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 001082021680

Ngày cấp: 04/04/2017

Nơi cấp: Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số nhà 26, Tổ dân phố Yên Nội 3, Phường Liên Mạc, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Số nhà 26, Tổ dân phố Yên Nội 3, Phường Liên Mạc, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội